

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 07/2023/HNGĐ-GĐT

Ngày: 11/4/2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản.*

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng giám đốc thẩm gồm có 11 thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia xét xử, do ông Lại Văn Trình – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Chinh - Thẩm tra viên.

Ngày 11/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị H., sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: anh U., sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Ph., sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Kh., sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Th., sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 21, Tổ 1, Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà M., sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 240A, Tổ 12, Khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà T., sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh L., sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ngân hàng C.;

Địa chỉ liên hệ: Chi nhánh T, số 560, Quốc lộ 1A, Khu phố 1, Phường 5, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị H. trình bày:

Chị và anh U. tiến đến hôn nhân thông qua người làm mai, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 30/3/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U. giấu tiền trong quá trình mua bán, mắng chửi nặng lời, xúc phạm và còn đánh Chị. Chị và hai con đã bỏ nhà đi vào sáng ngày 29-5-2019 âm lịch, chỉ mang theo 01 chiếc xe máy hiệu Nouvo biển số 63B2-007.19. Ngoài ra, không mang theo tài sản gì khác. Từ đó đến nay, giữa Chị và anh U. không có liên lạc gì với nhau, anh U. cũng không đến thăm nom con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Chị yêu cầu được ly hôn với anh U..

Về con chung: Có 02 con chung là Ph1., sinh ngày 15/01/1999 và Ph2., sinh ngày 13/11/2006. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ph2, không yêu cầu anh U. cấp dưỡng. Đối với cháu Ph1. đã trưởng thành nên việc muốn sống với ai do Ph1. quyết định, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, chị H. yêu cầu chia cho Chị các tài sản:

+ Phần đất 171m² thửa 3437 (đo đạc thực tế là 174,3m²), tờ bản đồ số 2, tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04289/QSDD ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh U., trên đất có 01 căn nhà. Phần nhà, đất này hiện do anh U. đang quản lý sử dụng. Chị H. xin nhận bằng hiện vật.

+ Các tài sản trong nhà tại thửa đất nêu trên gồm có: 01 bộ bàn ghế gỗ, 01 bộ tủ thờ gỗ, 01 bộ lư, 01 liễn thờ, 01 bộ ván gỗ. Chị H. xin nhận bằng hiện vật.

+ 01 xe mô-tô hiệu Nouvo biển số 63B2-007.19, hiện do chị H. đang quản lý sử dụng.

Chị H. yêu cầu chia cho Chị 2/3 giá trị tổng tài sản do chị H. có công sức đóng góp nhiều hơn. Nếu tài sản nào hai bên nhận có chênh lệch giá trị sẽ phải trả khoản chênh lệch cho nhau.

Đồng ý chia cho anh U. các tài sản gồm: Phần đất có diện tích 3.207,5m² (đo đạc thực tế là 2.834,9m²) thuộc thửa 142, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07444 ngày 24/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ chị H.. Phần đất này hiện do anh U. quản lý sử dụng.

- Bị đơn anh U. trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H. về quá trình tiến đến hôn nhân như chị H. trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình mua bán, chị H. có qua lại với người đàn ông khác, từ đó chị H. về nhà luôn kiểm soát chuyện để vợ chồng mâu thuẫn. Còn việc chị H. cho rằng Anh mắng chửi nặng lời, xúc phạm, đánh đập chị là không có, có lần chị H nói Anh giấu tiền nhưng Anh không có giấu. Nay Anh nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau, nhưng không đồng ý ly hôn vì khi bỏ đi chị H. đi vào nửa đêm và có mang theo tài sản, tiền bạc của anh. Anh có trình báo ra Công an xã Ph, huyện C. Anh và chị H. đã sống ly thân từ ngày 29-5-2017 âm lịch đến nay, anh cũng không có biện pháp gì hạn chế vì cho rằng chị H. tự ý bỏ đi thì phải tự về.

Về con chung, Anh thống nhất có 02 con chung như chị H. trình bày. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ph2, không yêu cầu chị H. cấp dưỡng nuôi con, trường hợp chị H. nuôi con thì Anh không cấp dưỡng. Đối với con chung là Ph1. đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết. Từ lúc chị H. bỏ đi, Anh cũng không có đến thăm nom con vì chỉ còn một mình Anh ở nhà, nếu Anh đi thì không ai xem chừng nhà.

Về phân tài sản:

+ Phần đất 171m² là tài sản của cha mẹ Anh bỏ tiền ra mua, nên Anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị H..

+ Phần đất 3.207,5m² đây là tài sản của cha mẹ Anh để lại, trước đây cho anh S., sau đó Anh mới hoán đổi với anh S., phần Anh đổi cũng là cha mẹ Anh để lại cho Anh. Mặc dù là của cha mẹ để lại nhưng làm hợp đồng chuyển nhượng để cho rõ ràng.

+ Anh có yêu cầu phản tố: chia cho Anh phần đất và căn nhà trên đất tại thửa 3437, tờ bản đồ số 2 và thửa đất 142, tờ bản đồ 25 nêu trên cho Anh.

Anh đồng ý chia cho chị H. các tài sản gồm có:

+ Thửa đất số 3420, tờ bản đồ DHHC3, diện tích 4.977m² (được đổi lại thành thửa 58, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.168,5m² tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (đo đạc thực tế là 5.129,1m²) do chị H. đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Thửa 347, tờ bản đồ 26, diện tích 257,1m² (đo đạc thực tế không thay đổi) tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00021 ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị H..

+ Thừa 523, tờ bản đồ số 26, diện tích 235,7m² (đo đạc thực tế không thay đổi) tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01845 ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị H..

+ Đối với xe mô tô hiệu Nouvo, biển số 63B2-007.19, Anh có ý kiến chia đôi, Anh nhận bằng giá trị. Đồng thời, Anh yêu cầu chị H. phải giao cho Anh số tiền 200.000.000 đồng trong tổng số 400.000.000 đồng mà vợ chồng cho anh Kh thuê quyền sử dụng đất.

- *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

. Bà T., bà M. có yêu cầu độc lập, thống nhất trình bày:

Yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ đối với thửa 3437, diện tích 171m² và thửa 142, diện tích 3207,5m² cho bà T., bà M. mỗi người được 1/6, nhận bằng hiện vật, chia thừa kế theo pháp luật đối với hai phần mà cha mẹ bà T., bà M. được chia tài sản chung đối với phần đất thửa 3437 và căn nhà trên đất cho bà T., bà M. mỗi người được 1/6. Căn nhà cất trên phần đất thửa 3437 là do anh U. cất vào năm 35 tuổi (khoảng năm 2006), nguồn tiền để cất nhà là do mẹ mất để lại, không phải là tiền chung của anh U. và chị H.. Nguồn gốc thửa đất 3437 là do cha mẹ anh U. mua vào năm 2001 của ông Ph3. nhưng để anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi đó trong hộ có ba mẹ anh U., anh U., bà T., bà M., anh L., con anh là Ph1. nhưng còn nhỏ và vợ anh là chị H. nhưng mới về làm dâu chưa có đóng góp gì. Do đó, bà T., bà M. chỉ yêu cầu chia làm 06 phần.

Nguồn gốc thửa đất 142, diện tích 3207,5m² là của ba anh U. là ông B. để lại cho chị H., chỉ chuyển lại cho con cái trong nhà đứng tên, có làm giấy mua bán nhưng sự thật không có mua bán. Mục đích để lại phần đất này cho chị H. đứng tên là cho vợ chồng anh chị, thời điểm đó bà T., bà M. cũng đồng ý cho vợ chồng anh U., chị H. nhưng do nay vợ chồng anh U. ly hôn nên bà T., bà M. yêu cầu chia.

. Anh Ph1. trình bày:

Anh là con của anh U., chị H.. Anh có nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ chị H. đối với các thửa đất 347, 523 và 58 nêu trên. Hiện nay, hai thửa đất 523 và 347, Anh đã chuyển nhượng cho anh Kh.; thửa đất 58, Anh chuyển nhượng cho anh Th.. Việc Anh nhận tặng cho quyền sử dụng đất và sau đó Anh chuyển nhượng lại cho anh Th., anh Kh. thì anh U. đều biết nhưng không phản đối. Do đó, nay Anh yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H., không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh U..

. Anh Kh. trình bày:

Anh có nhận chuyển nhượng từ anh Ph1. 02 thửa đất là 523 và 347 mà nay giữa anh U., chị H. tranh chấp. Việc chuyển nhượng giữa Anh và anh Ph1. là hợp pháp nên anh không có ý kiến gì về việc chia tài sản giữa chị H. và anh U.,

đề nghị Tòa án xem xét vì Anh là người mua đất ngay tình. Trước khi mua, Anh thuê hai thửa đất này của vợ chồng chị H. vào năm 2015, thuê 08 năm, mỗi năm 50.000.000 đồng. Khi thuê thì anh đứng ra thuê của chị H., anh U. cũng có ký tên cho thuê. Anh trả tiền thuê 05 năm đầu, còn 03 năm chưa trả. Khi chưa hết hợp đồng thì Anh nhận chuyển nhượng từ Ph1.. Vào năm 2015, chị H. đứng tên quyền sử dụng đất, cá nhân chị H. đứng tên, sau đó chị H. chuyển tên qua cho anh Ph1. thì anh không biết. Đến năm 2017, anh Ph1. kêu bán đất cho Anh, khi đó anh Ph1. đã đứng tên quyền sử dụng nên Anh mua với giá 1.550.000.000 đồng, trong đó bao gồm cả tiền thuê chưa hết hạn, thực tế ban đầu thỏa thuận chuyển nhượng giá 1.550.000.000 đồng chưa bao gồm tiền thuê chưa hết hạn nhưng khi ra phòng công chứng thì chị H. yêu cầu phải trừ luôn phần tiền thuê chưa hết hạn là 150.000.000 đồng, nên Anh bỏ luôn tiền thuê này. Khi lập hợp đồng chuyển nhượng với anh Ph1., chỉ có anh, anh Ph1. và một người chờ Ph1. đi ra phòng công chứng, Anh không biết anh U. có biết việc anh Ph1. bán đất cho Anh hay không. Còn khi giao tiền thuê đất 250.000.000 đồng thì giao tiền mặt, có mặt anh U., chị H., sau khi chị H. đếm tiền xong thì anh U. có đếm lại lần nữa.

. Ngân hàng C (Chi nhánh T) trình bày (tại Công văn số 37/CNTTG-PGDCB ngày 05/9/2019):

Anh Kh. có thể chấp trả đất 347 và 523 để vay vốn một cách hợp pháp và đúng qui định của pháp luật, phía ngân hàng chỉ thực hiện giải chấp khi bên vay hoặc bên bảo đảm thực hiện xong các nghĩa vụ thanh toán nợ, do đó phía ngân hàng không tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

. Anh Th. và anh L. trình bày: không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2021/HNGĐ-ST ngày 01/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng.

Cho chị H. được ly hôn với anh U..

Giao cháu Ph2., sinh ngày 13/11/2006 cho chị H. là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh U. không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H. chưa yêu cầu. Anh U. có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản của chị H. và anh U..

Chia cho anh U. các tài sản gồm:

- Thửa 142, tờ bản đồ 25, diện tích 3207,5m² (đo đạc thực tế 2.834,9m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07444 ngày 29/7/2008 của Ủy ban

nhân dân huyện C cấp cho hộ chị H. và toàn bộ cây trồng, công trình trên đất. Đất tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

- Thửa 3437, tờ bản đồ 2, diện tích 171m² (đo đạc thực tế 181,1m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04289 ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh U. cùng toàn bộ tài sản khác trên đất, trong đó có căn nhà chính, nhà phụ phía trước, sau, nhà vệ sinh và hồ nước. Nhà, đất tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H. và anh U., giao cho chị H. là người được quyền sở hữu xe mô-tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo-5P11, số máy 5P11-307031, số khung P110PY307024, biển số 63B2-007.19.

Buộc anh U. có nghĩa vụ hoàn giá trị tài sản chênh lệch là 177.379.000 đồng cho chị H..

Anh U. được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H. về việc yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 bộ lư, 01 tủ thờ, 01 đi văng, 01 bộ tranh tứ quý, 01 bộ bàn ghế.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà T., bà M. về yêu cầu chia tài sản chung là 1/6 đối với phần đất thuộc thửa 142 và yêu cầu chia thừa kế 1/6 trong phần 2/6 đối với phần nhà, đất tại thửa 3437 nêu trên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí tố tụng, án phí, nghĩa, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 14/4/2021, chị H. kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản.

Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 59/2021/HNGĐ-PT ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định (tóm tắt):

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu kháng cáo của chị H. về việc xem xét công sức đóng góp và xin chia 2/3 giá trị tài sản chung của vợ chồng.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H. về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H. về việc xin ly hôn, nuôi con chung. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2021/HNGĐ-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H. và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh U..

Chia cho anh U.:

+ Thừa đất số 142, tờ bản đồ 25 diện tích 3.207,5m² (đo đạc thực tế 2.834,9m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07444 ngày 29/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ chị H. và toàn bộ cây trồng, công trình trên đất. Địa chỉ thửa đất tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có vị trí tứ cận, sơ đồ bản vẽ).

Chia cho chị H.:

+ Thừa đất số 3437, tờ bản đồ số 2 diện tích 171m² (đo đạc thực tế 181,1m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04289 ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh U. cùng toàn bộ tài sản khác (có vị trí tứ cận, sơ đồ kèm theo).

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H. và anh U. về việc giao cho chị H. được quyền sở hữu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại MOUVO-5PII, số máy 5PII-307031, số khung P110PY307024, biển số 63B2-007.19.

Buộc chị H. có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho anh U., số tiền là 91.488.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn ghi nhận lại phần quyết định về quan hệ hôn nhân, con chung của Bản án sơ thẩm, quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 21/3/2022, anh U. đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm.

Tại Quyết định số 206/QĐ-VKS-DS ngày 07/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 59/2021/HNGĐ-PT ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với phần chia tài sản chung để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H. và anh U. đều thống nhất các tài sản chung của vợ chồng, gồm có:

+ Thừa đất số 3420, tờ bản đồ DHHC3, diện tích 4977m² (được đổi lại thành thửa đất số 58, tờ bản đồ số 6, diện tích 5168,5m² tại ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (đo đạc thực tế là 5129,1m²) do chị H. đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Thừa đất số 347 tờ bản đồ 26, diện tích 257,1m² (đo đạc thực tế không thay đổi) tọa lạc tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CH00G21 ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị H..

+ Thửa đất số 523, tờ bản đồ số 26, diện tích 235,7m² (đo đạc thực tế không thay đổi) tọa lạc tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO1845 ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị H..

+ Thửa đất số 3437 (đo đạc thực tế là 174,3m²), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp 4 xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G4289/QSDĐ ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh U., trên đất có 01 căn nhà.

+ Phần đất có diện tích 3207,5m² (đo đạc thực tế là 2834,9m²) thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại Ấp 4, xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HU7444 ngày 24/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ chị H..

[2] Trong 05 thửa đất là tài sản chung của vợ chồng thì chị H. đã làm thủ tục tặng cho con là Ph1. theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/6/2017 đối với các thửa đất số 3420 (nay là thửa 58), thửa đất số 347, thửa đất số 523. Anh U. xác định đây là tài sản chung và yêu cầu chia 03 thửa đất này, Tòa án phúc thẩm không chấp nhận nhưng không tuyên bác yêu cầu khởi kiện của anh U. là thiếu sót.

[3] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/6/2017 giữa chị H. với con là Ph1. không có chữ ký của anh U.. Mặc dù, chị H. trình bày khi tặng cho anh U. có biết và đồng ý nhưng không được anh U. thừa nhận. Bản án phúc thẩm căn cứ vào "Giấy xác nhận" đề ngày 22/12/2022 của ông H., nguyên là cán bộ tư pháp xã Ph, huyện C, tỉnh Tiền Giang, phụ trách tổ một cửa của Ủy ban nhân dân xã Ph có nội dung: "*Ngày 08/02/2017, ông H. có tiếp nhận 03 hồ sơ của anh U. và chị H. nộp, yêu cầu lập và chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là Ph1.. Sau khi kiểm tra có một thửa đất ở ấp A, xã Đ, huyện C không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã Ph, nên ông H. trả hồ sơ và hướng dẫn vợ chồng anh U., chị H. đến cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã Đ, còn lại hai thửa đất tọa lạc ấp 4, xã Ph thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân bà H., vì vậy ông H. trực tiếp giải thích cho anh U., chị H. biết theo quy định chỉ cần một mình chị H. ký vào hợp đồng, anh U. không phải ký tên vào Hợp đồng tặng cho. Anh U. và chị H. đều đồng ý thì ông H. mới lập hợp đồng và trình Ủy ban chứng thực*" là chưa đủ cơ sở vững chắc; bởi lẽ:

- Nguồn gốc 03 thửa đất gồm thửa đất số 58 do chị H. nhận chuyển nhượng của hộ bà Gi. vào ngày 03/6/2013, thửa đất số 347 do chị H. nhận chuyển nhượng của ông M. vào ngày 18/11/2014, thửa đất số 523 do chị H. nhận chuyển nhượng của bà L. vào ngày 14/4/2014. Các thửa đất nêu trên đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình

năm 2000 “Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng”, nên đây là tài sản chung của anh U., chị H..

- Theo quy định tại Điều 28 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì “Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thoả thuận”. Nghị định số 70/2001/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, tại khoản 1 Điều 4 quy định: “1. Trong trường hợp việc xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt các giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn của vợ chồng hoặc tài sản chung là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt các giao dịch dân sự liên quan đến định đoạt tài sản thuộc sở hữu riêng của một bên vợ hoặc chồng nhưng tài sản đó đã đưa vào sử dụng chung mà hoa lợi, lợi tức phát sinh là nguồn sống duy nhất của gia đình mà pháp luật quy định giao dịch đó phải tuân theo hình thức nhất định, thì sự thoả thuận của vợ chồng cũng phải tuân theo hình thức đó (lập thành văn bản có chữ ký của vợ, chồng hoặc phải có công chứng, chứng thực...)”.

[4] Việc chị H. tự định đoạt tài sản chung của vợ chồng, làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 03 thửa đất cho con là Ph1. nhưng Hợp đồng này không có sự tham gia của anh U. là trái quy định của pháp luật như đã viện dẫn. Bản án phúc thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của cán bộ tư pháp xã và lời khai của chị H. không được anh U. thừa nhận để xác định anh U đồng ý tặng cho tài sản cho con Ph1. là không bảo đảm căn cứ pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh U.. Do đó, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận. Cần hủy một phần Bản án phúc thẩm (phần chia tài sản chung) để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Do các tài sản này anh Ph1. đã chuyển nhượng cho người khác và người này thế chấp tại Ngân hàng, nên khi Tòa án giải quyết lại cần xem xét đến quyền lợi ích, hợp pháp của người thứ ba ngay tình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, Điều 342, Điều 343, Điều 345 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 59/2021/HNGĐ-PT ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với phần chia tài sản chung.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm phần đối với phần bị hủy.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP HCM ;
- Vụ PC và QLKH - TANDTC;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKT 2, hồ sơ vụ án, THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÍNH ÁN**

Lại Văn Trình